

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 24-3-2020
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

Ông Huỳnh Thế Cần

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa: Bà Đặng Hoàng Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 2521/2019/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2019 về việc “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/3/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1983; cư trú tại: Khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1978; cư trú tại: Khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà V, ông Đ có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị Thu V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Hồng Đ kết hôn năm 2007, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai ngày 01/10/2007. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Gần 10 năm nay, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay cãi nhau, ông Đ thường xuyên rượu chè, say xỉn chửi bới gia

đình, hàng xóm láng giềng, sống ích kỷ. Nay bà xác định tình cảm không còn, hôn nhân không đạt được mục đích nên xin ly hôn với ông Nguyễn Hồng Đ.

- Về con chung: Bà và ông Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 03/01/2009. Khi ly hôn, bà tôn trọng ý kiến, nguyện vọng của con. Nếu con có nguyện vọng ở với mẹ thì bà xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu T. Tạm thời, bà không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – ông Nguyễn Hồng Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ thừa nhận quá trình hôn nhân và chung sống đúng như bà V trình bày. Ông cho rằng, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy có đôi lúc phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng xung đột, cãi vã, xô xát nhau nhưng mâu thuẫn không đến mức trầm trọng, ông vẫn còn tình cảm với bà V và không muốn con cái lớn lên thiếu đi tình yêu thương của cha hoặc mẹ. Do đó, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà V.

- Về con chung: Ông và bà V có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 03/01/2009. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu T, tạm thời không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, nếu cháu T có nguyện vọng muốn ở với mẹ thì ông đồng ý giao cho con bà V chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và những tham gia tố tụng: Thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu V; về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 03/01/2009 cho bà V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động. Tạm thời, ông Đ không phải cấp dưỡng

nuôi con; về tài sản chung: Tự thỏa thuận; về nợ chung: Không có; về án phí: Bà V phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là ông Nguyễn Hồng Đ hiện cư trú tại địa bàn thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa theo điểm a, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu V và ông Nguyễn Hồng Đ kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai ngày 01/10/2007 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo Điều 9,11,12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà V là có cơ sở chấp nhận vì:

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Thực tế, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm đến nhau. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do ông Đ thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn, quậy phá chửi bới gia đình, hàng xóm. Bản tính của ông Đ ích kỷ, độc đoán, gia trưởng. Bà V nhận thấy cuộc sống hôn nhân ngột ngạt, không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông Đ.

Ông Đ cũng thừa nhận quá trình chung sống hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không đến mức trầm trọng. Ông Đ vẫn còn tình cảm với vợ nên không đồng ý ly hôn.

Tuy nhiên, tại phiên tòa, cả hai đều thừa nhận, kể từ thời điểm bà V dọn ra ngoài sống, cả bà V và ông Đ đều không cố gắng để hàn gắn tình cảm. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà V và ông Đ không đạt được, nên căn cứ vào các điều 51, 54, 56, 57, 58 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết cho bà V được ly hôn với ông Đ.

[3] Về con chung: Bà V và ông Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 03/01/2009.

Khi ly hôn, cả bà V và ông Đ đều trình bày muốn tôn trọng nguyện vọng của con. Tại bản tự khai ngày 15/01/2020, cháu Nguyễn Ngọc Minh T trình bày nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó, để đảm bảo sự ổn định và phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần của trẻ, Tòa án giao cháu Nguyễn Ngọc

Minh T cho bà Nguyễn Thị Thu V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đ được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu V phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng các Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu V được ly hôn với ông Nguyễn Hồng Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 03/01/2009 cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động. Tạm thời, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đ được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu V phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định. Trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà V đã nộp theo biên lai thu số 0001190 ngày 25/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, bà V đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị Thu V và ông Nguyễn Hồng Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- Toà án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VP – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Duyên

Hội thẩm nhân dân
tòa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên

Nơi nhận

- Toà án tỉnh Đồng Nai
- VKS TP Biên Hòa
- Các đương sự
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Quyên